TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2025/DS-ST
Ngày: 08-8-2025
Về việc*: "Tranh chấp hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lâm Thị Tợi

2/ Ông Nguyễn Thanh Phiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – T

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2025/TLST-DS ngày 25-3-2025 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng A

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 1, xã D, tỉnh T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Nhẹ, sinh năm 1976 ; (có đơn đề nghị xét xử vắng)

Bị đơn: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường 781, khu phố Ninh Lộc, phường N, tỉnh T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện 18 tháng 03 năm 2025 của Công ty và lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của công ty trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Công ty TNHH MTV xây dựng A có bán cho chị Trần Thị Kim T cát xây dựng, tổng số lượng 10 xe là 100 khối cát với số tiền 26.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 03/12/2022 chị T mua 04 xe x 2.600.000 đồng = 10.400.000 đồng; Ngày 04/12/2022

chị T mua 02 xe x 2.600.000 đồng= 5.200.000 đồng; Ngày 06/12/2022 chị T mua 04 xe x 2.600.000 đồng = 10.400.000 đồng. Sau khi mua, chị T có hẹn 02 tuần sẽ trả nhưng sau đó chị T không thực hiện. Đến năm 2023 công ty có khởi kiện chị T tại Toà án nhân dân Huyện D, chị T có hứa mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, chị T có trả được 2.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Do đó, hiện chị T còn nợ công ty số tiền 24.000.000 đồng.

Nay ông Nhẹ đại diện cho Công ty yêu cầu chị T trả số tiền 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/01/2023 đến nay.

* Bị đơn chị Trần Thị Kim T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 280, Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV xây dựng A, chị Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền 24.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn có nơi cư trú tại xã D, tỉnh T, Công ty TNHH MTV xây dựng A yêu cầu chị T trả số tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán nên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án nhân dân khu vực 11 - T giải quyết vụ án là có căn cứ.

[1.2] Chị T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH MTV xây dựng A có bán cho chị Trần Thị Kim T 10 xe cát xây dựng là 100 khối cát với số tiền 26.000.000 đồng. Căn cứ vào các hoá đơn bán hàng có căn cứ xác định việc Công ty có bán cho chị T 10 xe cát. Mặt khác, tại biên bản thoả thuận ngày 09/11/2023 tại Toà án nhân dân Huyện D, chị T thừa nhận còn nợ số tiền mua cát của Công ty là 26.000.000 đồng và cam kết trả hàng tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị Thuỷ chỉ trả được cho Côngg ty 01 lần 2.000.000 đồng thì ngưng. Do đó, nay Công ty khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị Kim T trả số tiền 24.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Do chị T vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua bán cho Công ty nên phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Do đó, về yêu cầu chị T có nghĩa vụ trả tiền cho Công ty theo quy định của pháp luật từ ngày 01/12/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 357, 440 Bộ luật Dân sự.

Tiền lãi được tính như sau: 24.000.000 đồng x 19 tháng 07 ngày x 0,833% = 3.845.128 đồng.

Tổng số tiền chị T có nghĩa vụ trả tiền cho Công ty là 27.845.128 đồng.

[4] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - T.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.845.128 x 5% = 1.392.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 280, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sư; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng A đối với chị Trần Thị Kim T về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán*".

Chị Trần Thị Kim T có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền 27.845.128 (hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Chị Trần Thị Kim T phải chịu 1.392.000 (một triệu ba trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xây dựng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005217 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh T. (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh T).

3. Án dân sự được xét xử công khai báo cho các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ..

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T;*
- *VKSND tỉnh T;*
- *VKSND khu vực 11;*
- *THADS tỉnh T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu trữ VP.*

(đã ký)

Lê Thị Hoàng Yến